

Số: 53/NQ-HĐND

Hung Yên, ngày 09 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Về phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn;
quyết toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
KHÓA XVIII KỲ HỌP THỨ BA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Xét Báo cáo số 211/BC-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, quyết toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025; Báo cáo thẩm tra số 406/BC-KTNS ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Ban Kinh tế-Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước năm 2025 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên như sau:

	Đơn vị: Đồng
Thu NSNN trên địa bàn	101.481.322.405.060
1. Thu nội địa	94.826.164.467.066
2. Thu xuất nhập khẩu	6.416.943.504.827
3. Các khoản huy động, đóng góp	235.442.582.355
4. Thu Viện trợ	2.191.850.812
5. Thu hồi các khoản cho vay của Nhà nước và thu từ quỹ dự trữ tài chính	580.000.000

Điều 2. Phê chuẩn quyết toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025 với các nội dung như sau:

Đơn vị: Đồng

A. THU - CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

I. Thu ngân sách địa phương	209.288.794.523.324
- Thu NSNN theo phân cấp	94.357.964.492.194
+ Thu nội địa	94.120.187.978.839
+ Thu xuất nhập khẩu	0
+ Các khoản huy động, đóng góp	235.442.582.355
+ Thu viện trợ	1.753.931.000
+ Thu hồi các khoản cho vay của Nhà nước và thu từ quỹ dự trữ Tài chính	580.000.000
- Thu chuyển giao ngân sách	46.594.294.223.691
+ Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	46.508.448.598.935
+ Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên	85.845.624.756
- Thu chuyển nguồn năm trước	45.067.348.263.361
- Vay của NSDP	14.276.840.000
- Thu kết dư ngân sách năm trước	23.254.910.704.078
II. Chi ngân sách địa phương	202.354.245.273.471
- Chi ngân sách nhà nước	175.247.685.657.881
+ Chi đầu tư phát triển	35.472.783.913.920
+ Chi trả nợ lãi, phí tiền vay	4.926.785.295
+ Chi thường xuyên	29.135.126.446.158
+ Chi bổ sung quỹ dự trữ Tài chính	2.450.000.000
+ Chi chuyển nguồn	110.601.226.601.799
+ Các nhiệm vụ chi khác	3.830.510.000
+ Chi hỗ trợ địa phương khác	27.341.400.709
- Chi chuyển giao ngân sách	27.084.631.637.342
+ Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	26.594.609.920.935
+ Chi nộp ngân sách cấp trên	490.021.716.407
- Chi trả nợ gốc	21.927.978.248
III. Kết dư (I-II)	6.934.549.249.853

B. THU CHI NSDP THEO TỪNG CẤP NGÂN SÁCH

- Tổng thu ngân sách địa phương	209.288.794.523.324
+ Ngân sách cấp tỉnh	158.035.089.260.648
+ Ngân sách xã	51.253.705.262.676
- Tổng chi ngân sách địa phương	202.354.245.273.471
+ Ngân sách cấp tỉnh	157.842.472.191.909
+ Ngân sách xã	44.511.773.081.562
- Chênh lệch thu - chi (kết dư)	6.934.549.249.853
+ Ngân sách cấp tỉnh	192.617.068.739
+ Ngân sách xã	6.741.932.181.114

IV. Xử lý kết dư như sau:

Kết dư ngân sách cấp tỉnh là 192.617 triệu đồng, xử lý như sau:

- Trích 50% bổ sung vào quỹ dự trữ tài chính là 96.309 triệu đồng.
- Xử lý 50% vào thu ngân sách năm 2026 là 96.308 triệu đồng, trong đó:
 - + Trích 70% tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương là 67.415 triệu đồng;
 - + 30% còn lại là 28.893 triệu đồng bổ sung nguồn đảm bảo xã hội cấp tỉnh năm 2026 để thực hiện các chính sách an sinh xã hội.

(Kèm theo các Biểu mẫu số 48, 50, 51, 52, 53, 54, 58, 59, 61)

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên Khóa XVIII, Kỳ họp thứ 3 nhất trí thông qua ngày 09 tháng 7 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực XI;
- Kho bạc Nhà nước khu vực IV;
- Đảng ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh Hưng Yên;
- Cổng thông tin điện tử UBND tỉnh Hưng Yên;
- Báo và PTTH Hưng Yên;
- Lưu: VT, CV^{Miền}.

CHỦ TỊCH

Trần Quốc Văn